

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **219/2023/HNGĐ – ST**
Ngày 03- 7- 2023
V/v tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Khoa.

2. Bà Lê Thị Thúy Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16/6/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp GP, xã HKTA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 233/48 ấp Hòa II, xã VH, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào năm 2011 chị và anh Nguyễn Văn S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2011. Trong thời gian sống chung anh chị có con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/8/2011 hiện con chung đang sống chung với anh S. Trong thời gian chung sống anh, chị không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: Sau khi kết hôn chị vẫn sống và làm việc tại MCB, còn anh S sinh sống tại xã VH, huyện C, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh, chị bất đồng quan điểm, vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; anh, chị không còn sống chung từ năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy anh, chị có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Chị không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung*: Chị đồng ý giao con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/8/2011 cho anh Nguyễn Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn S. Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/8/2011 cho anh Nguyễn Văn S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, do anh Nguyễn Văn S không yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét; Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, về nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn S hiện có đăng ký thường trú tại ấp Hòa II, xã VH, huyện C, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn S.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2011. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Đ, anh S được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị Đ xin ly hôn với anh S là do trong thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, anh S không quan tâm chăm sóc cho vợ con; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, anh, chị không còn sống chung từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Xét thấy: Từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay chị

Đ, anh S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác anh S biết rõ việc chị Đẹp xin ly hôn với anh, Tòa án đã tạo điều kiện để chị Đ, anh S hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị Đ, anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp. Do chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/8/2011. Xét thấy: Từ khi chị Đ, anh S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì con chung do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; Mặt khác con chung có nguyện vọng sống chung với anh S. Lễ đó cần giao cho anh S được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do anh S không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b khoản 1 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Do chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn S được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/8/2011, con chung đang sống với anh Nguyễn Văn S và có nguyện vọng sống chung với anh Nguyễn Văn S. Do anh Nguyễn Văn S không yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001655 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND xã VH, huyện C;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HUỲNH THỊ PHÊ

**Caùc Hoäi thaãm nhaân daân
toãi phieân toaø**

Thaãm phaùn – Chuû

Nguyeãn Vaãn Chóót – Phạ̀m Minh Đạ̀t

Huyønh Thò Pheâ

